

Số: 172/2014/BCKTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được lập ngày 20 tháng 02 năm 2014 từ trang 07 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán Việt Nam, các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Chính sách dự phòng rủi ro đối với các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp được trình bày tại thuyết minh số 2.6, mục d - Dự phòng các khoản đầu tư;
- Chính sách dự phòng rủi ro đối với các khoản phải thu lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán nợ, các khoản phải thu từ nghiệp vụ repo giấy tờ có giá, hỗ trợ hợp tác đầu tư, ứng trước tiền cho quyền góp vốn trong tương lai, phải thu chậm trả trong nghiệp vụ nhận ủy thác,... và các khoản đi ủy thác đầu tư được trình bày tại thuyết minh số 2.9 - Các khoản phải thu và tài sản có khác;
- Chính sách dự thu lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán nợ, lãi từ các khoản phải thu khác được trình bày tại thuyết minh số 2.12 - Ghi nhận thu nhập/ chi phí lãi và các khoản tương đương.



Nguyễn Quốc Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A	Tài sản			
I	Tiền mặt, vàng bạc đá quý	3	2.341.536.445	1.639.998.170
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	270.592.954.183	451.853.227.581
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	5	3.962.467.001.323	4.469.685.313.163
1.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		3.962.467.001.323	4.395.247.813.163
2.	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		91.666.666.667	166.666.666.667
3.	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		(91.666.666.667)	(92.229.166.667)
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	76.066.487.426	67.578.633.615
1.	Chứng khoán kinh doanh		109.973.781.649	95.281.004.643
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(33.907.294.223)	(27.702.371.028)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		272.608.000	-
VI	Cho vay khách hàng		5.631.772.515.901	3.161.755.982.739
1.	Cho vay khách hàng	7	5.749.998.462.570	3.230.460.140.901
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(118.225.946.669)	(68.704.158.162)
VII	Chứng khoán đầu tư	9	5.770.387.600.767	7.079.797.424.496
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		5.853.270.315.691	7.085.830.154.496
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(82.882.714.924)	(6.032.730.000)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	236.731.469.999	405.165.840.667
1.	Đầu tư vào công ty con		-	-
2.	Vốn góp liên doanh		-	-
3.	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác		252.133.649.738	406.834.324.562
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(15.402.179.739)	(1.668.483.895)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
IX	Tài sản cố định		30.911.116.151	9.622.452.926
1.	Tài sản cố định hữu hình	11	15.597.413.166	8.680.944.866
	- Nguyên giá		32.497.096.657	23.526.437.623
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.899.683.491)	(14.845.492.757)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
	- Nguyên giá		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	12	15.313.702.985	941.508.060
	- Nguyên giá		19.906.076.569	2.609.299.473
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.592.373.584)	(1.667.791.413)
X	Bất động sản đầu tư		-	-
	- Nguyên giá		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
XI	Tài sản Có khác	13	2.515.860.431.322	3.183.734.252.742
1.	Các khoản phải thu		866.468.753.284	1.259.407.036.096
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		1.571.213.991.248	977.173.086.509
3.	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4.	Tài sản Có khác		353.881.683.409	1.093.809.880.521
5.	Dự phòng rủi ro cho tài sản Có nội bảng khác		(275.703.996.619)	(146.655.750.384)
	Tổng tài sản Có		18.497.403.721.517	18.830.833.126.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	14	4.073.152.194.135	5.260.132.369.135
1.	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		1.728.226.825.000	1.600.000.000.000
2.	Vay các tổ chức tín dụng khác		2.344.925.369.135	3.660.132.369.135
III	Tiền gửi của khách hàng	15	3.626.362.322.717	2.571.016.987.809
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	16	7.147.830.023.175	7.012.732.899.264
VI	Phát hành giấy tờ có giá		-	457.000.000.000
VII	Các khoản nợ khác		837.883.409.851	703.819.144.587
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		754.978.090.529	563.557.706.922
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		-	-
3.	Các khoản phải trả và công nợ khác	17	80.978.899.520	135.509.893.504
4.	Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		1.926.419.802	4.751.544.161
	Tổng nợ phải trả		15.685.227.949.878	16.004.701.400.795
VIII	Vốn và các quỹ	18	2.812.175.771.639	2.826.131.725.304
1.	Vốn của tổ chức tín dụng		2.502.327.860.000	2.502.327.860.000
-	Vốn điều lệ		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
-	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		2.327.860.000	2.327.860.000
-	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
-	Cổ phiếu quỹ		-	-
-	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
-	Vốn khác		-	-
2.	Quỹ của tổ chức tín dụng		211.612.774.077	199.828.755.567
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5.	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		98.235.137.562	123.975.109.737
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		18.497.403.721.517	18.830.833.126.099

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
1.	Bảo lãnh vay vốn		-	-
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		-	-
3.	Bảo lãnh khác		224.455.973.633	601.539.221.489
II.	Các cam kết đưa ra			
1.	Cam kết cho vay không hủy ngang		32.400.000.000	32.000.000.000
2.	Cam kết hợp đồng ngoại hối chưa đến hạn		-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Đặng Thị Mai Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Hà

Tổng Giám đốc



Lương Hải Sinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19	1.548.007.732.575	1.978.829.352.822
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	20	1.150.009.500.188	1.594.926.859.009
I.	Thu nhập lãi thuần		397.998.232.387	383.902.493.813
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		59.589.546.726	23.202.185.437
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		31.249.409.068	13.602.644.547
II.	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	21	28.340.137.658	9.599.540.890
III.	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	22	649.076.737	(10.034.633.354)
IV.	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	23	(9.349.870.282)	14.324.511.961
V.	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	24	(38.703.210.443)	5.101.432.899
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	25	15.165.227.236	10.516.429.924
6.	Chi phí hoạt động khác		-	-
VI.	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác		15.165.227.236	10.516.429.924
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	26	14.798.191.555	11.464.752.507
VIII.	Chi phí hoạt động	27	94.569.984.264	88.341.507.451
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		314.327.800.584	336.533.021.189
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		193.910.032.619	171.331.518.123
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		120.417.767.965	165.201.503.066
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		26.941.598.130	41.226.393.329
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28	26.941.598.130	41.226.393.329
XIII.	Lợi nhuận sau thuế		93.476.169.835	123.975.109.737
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18b	374	496

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng




Đặng Thị Mai Hiền

Đỗ Thị Hà



Lương Hải Sinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

			Đơn vị tính: VND	
STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		953.966.827.836	1.555.537.053.252
02.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		(958.589.116.581)	(1.424.211.258.563)
03.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		28.340.137.658	9.599.540.890
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		32.088.509.131	(17.199.810.514)
05.	Thu nhập/(Chi phí) khác		30.000.000	-
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		-	-
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(69.416.040.304)	(68.899.471.138)
08.	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(36.859.077.273)	(89.135.347.619)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động			(50.438.759.533)	(34.309.293.692)
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09.	(Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		217.646.581.846	(72.088.845.269)
10.	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		1.217.867.061.799	793.425.764.911
11.	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(272.608.000)	-
12.	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng		(2.519.538.321.669)	172.176.612.783
13.	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
14.	(Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động		1.140.018.015.079	2.085.996.517.479
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15.	Tăng/ (Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	(186.308.518.164)
16.	Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(1.186.980.175.000)	(1.681.792.107.045)
17.	Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		1.055.345.334.908	999.787.112.679
18.	Tăng/ (Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động		(457.000.000.000)	(383.000.000.000)
19.	Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		135.097.123.911	2.445.692.078.669
20.	Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21.	Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động		(47.966.424.011)	(416.528.329.755)
22.	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(7.462.123.500)	(16.025.168.785)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			(503.684.294.170)	3.707.025.823.811

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>				
01.	Mua sắm tài sản cố định		(31.315.648.826)	(5.434.613.563)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	249.657.254.933
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		154.700.674.824	-
09.	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		8.123.191.555	11.464.752.507
II.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		131.508.217.553	255.687.393.877
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</i>				
01.	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(98.516.888.500)	(210.564.506.300)
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
III.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(98.516.888.500)	(210.564.506.300)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
IV.	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(470.692.965.117)	3.752.148.711.388
V.	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		4.695.989.457.068	943.840.745.680
VI.	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
VII.	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	29	4.225.296.491.951	4.695.989.457.068

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Mai Hiền

Đỗ Thị Hà

Lương Hải Sinh